

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21-4-2020

V/v: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN ĐỊNH QUÁN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Liễu.

2. Bà Trương Thị Lệ Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Quách Kim Lân – Thư ký Tòa án nhân dân Hện Định Quán.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Định Quán tham gia phiên tòa:***
Ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Hện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ lý số 605/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị **Lê Thanh T**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: KDC 5, ấp 8, xã GC, Hện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

2. ***Bị đơn:*** Anh **Võ Văn T2**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khu phố HL, thị trấn Định Quán, Hện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2019; bản tự khai; các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các biên bản hòa giải nguyên đơn là chị Lê Thanh T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh T2 tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2000 cho đến nay, nhưng do việc am hiểu pháp luật còn hạn chế nên chị và anh T2 không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chị và anh T2 chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên bất đồng quan điểm sống với nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận với nhau nên hai vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi nhau. Chị và anh T2 đã nhiều lần tự hòa giải với nhau nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Nay chị nhận thấy tình cảm gia đình không thuận hòa, không thể hàn được vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T2.

- Về con chung: Chị và anh T2 có 02 con chung tên là Võ Lê Thành H, sinh ngày 25/12/2006 và Võ Hoàng H, sinh ngày 23/3/2011. Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 23/12/2019 bị đơn là anh Võ Văn T2 trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị T có tổ chức đám cưới vào năm 2000 và chung sống như vợ chồng từ năm 2000, do anh không am hiểu về pháp luật và chăm lo làm ăn nên không nghĩ đến việc đi đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không giải quyết được. Anh và chị T đã không còn chung sống từ tháng 8/2019 cho đến nay. Nay anh nhận thấy tình cảm gia đình đã lạnh nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung tên là Võ Lê Thành H, sinh ngày 25/12/2006 và Võ Hoàng H, sinh ngày 23/3/2011. Anh đồng ý giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn cHển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng

đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thanh T. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thanh T và anh Võ Văn T2.

Về con chung: Giao hai con chung tên là Võ Lê Thành H, sinh ngày 25/12/2006 và Võ Hoàng H, sinh ngày 23/3/2011 cho chị T nuôi dưỡng. Tạm thời anh T2 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, không giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thanh T chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Võ Văn T2 hiện cư trú tại khu phố Hiệp Lực, thị trấn Định Quán, Hện Định Quán, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Hện Định Quán theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị T yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh T2, yêu cầu được nuôi con nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Lê Thanh T là nguyên đơn; anh Võ Văn T2 là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Võ Văn T2 và đã mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất nhưng anh T2 vắng mặt mà không có lý do chính đáng, vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện chị T và anh T2 tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 cho đến thời điểm hiện nay nhưng không đăng ký kết hôn. Đời sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Anh T2 và chị T đều không muốn hàn gắn tình cảm và không tiếp tục sống chung vợ chồng nên cả hai đều có nguyện vọng ly hôn.

Do chị T và anh T2 chung sống như vợ chồng từ năm 2000 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn và theo Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của luật này*”. Vì vậy, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thanh T và anh Võ Văn T2.

[6] Về con chung: Chị T và anh T2 có hai con chung tên là Võ Lê Thành H, sinh ngày 25/12/2006 và Võ Hoàng H, sinh ngày 23/3/2011. Trong thời gian không chung sống với nhau, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung; anh T2 đồng ý giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và hai con chung đều có nguyện vọng được chung sống với chị T nên Hội đồng xét xử giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con chung, nên tạm thời miễn anh T2 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Lê Thanh T chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Định Quán là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 5, 6, 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thanh T và anh Võ Văn T2.

2. *Về con chung*: Giao cháu Võ Lê Thành H, sinh ngày 25/12/2006 và Võ Hoàng H, sinh ngày 23/3/2011 cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: chị T không yêu cầu, nên tạm thời anh T2 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con...)

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Lê Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng chị T đã nộp (biên lai số 0002739 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện Định Quán) được căn trừ qua án phí. Chị T đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Định Quán;
- Thi hành án dân sự H. Định Quán;
- UBND cấp xã (ghi vào sổ hộ tịch);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Thái